|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: /2021/QĐ-UBND**DỰ THẢO 1** | *Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định** **một số nội dung về quản lý**

**cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số …/PTĐT-HTKT ngày … tháng ... năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2021.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- VP Chính phủ;- Các Bộ: Xây dựng, Tư pháp;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;- VP HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;- VP UBND tỉnh: LĐVP, Trung tâm Thông tin, các phòng.  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****…………………** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH BẮC GIANG****DỰ THẢO 1** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

 *(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về công tác quản lý cây xanh tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm: Phân cấp quản lý, quy hoạch, trồng, chăm sóc, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị. Các nội dung khác không nêu tại Quy định này thực hiện theo quy định của Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị (sau đây viết tắt là Nghị định số 64/2010/NĐ-CP) và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý cây xanh đô thị**

1. Tất cả các loại cây xanh đô thị phải được xác định chủ sở hữu, do tổ chức, cá nhân quản lý hoặc được giao quản lý.

2. Nhà nước có trách nhiệm quản lý đầu tư, phát triển cây xanh đô thị nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia quy hoạch, trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh đô thị.

3. Việc quản lý, phát triển cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

4. Khi triển khai xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, chủ đầu tư phải đảm bảo chỉ tiêu đất cây xanh, trồng đúng chủng loại và tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đồng thời, phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao cho cơ quan quản lý theo thẩm quyền.

5. Khi xây dựng mới đường đô thị phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Cây xanh được trồng đúng chủng loại và tiêu chuẩn cây trồng theo thiết kế đã được phê duyệt.

6. Khi cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật; chủ đầu tư phải lựa chọn phương án tối ưu nhằm hạn chế việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh hiện hữu trên vỉa hè, dải phân cách và các khu vực công cộng khác của đô thị.

**Điều 3. Danh mục cây khuyến khích trồng, cây hạn chế trồng và cây cấm trồng**

1. Cây xanh khuyến khích sử dụng công cộng trong đô thị là các loại cây ít sâu bệnh, phù hợp điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng của địa phương; ít rụng lá trơ cành; không có quả gây hấp dẫn côn trùng; không có gai sắc nhọn, hoa quả gây mùi khó chịu; cây trồng trên vỉa hè không có rễ nổi, thân cây thẳng, tán cân đối, tạo được bóng mát, cảnh quan đô thị. Danh mục cây khuyến khích sử dụng công cộng trong đô thị theo Phụ lục I của Quy định này.

2. Cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị là các loài cây mà trong một số trường hợp cụ thể có khả năng gây khó chịu cho con người hoặc gây ảnh hưởng không tốt đến các công trình hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường, cảnh quan trong đô thị; được trồng trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công tŕnh tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công tŕnh công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng. Danh mục cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị theo Phụ lục II của Quy định này.

3. Cây xanh cấm trồng trong đô thị là các loài cây có khả năng gây nguy hại con người, gây ảnh hưởng lớn đến các công tŕnh hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường, cảnh quan trong đô thị. Danh mục cây xanh cấm trồng trong đô thị theo Phụ lục III của Quy định này.

4. Đối với cây xanh nằm ngoài danh mục khuyến khích sử dụng công cộng hoặc du nhập từ nước ngoài cần tham khảo nguồn gốc, xuất xứ và xin ý kiến cơ quan quản lý trước khi trồng để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng đô thị.

5. Đối với cây xanh hiện hữu thuộc danh mục cây cấm trồng trong đô thị cần có kế hoạch từng bước loại bỏ, thay thế để đảm bảo an toàn và cảnh quan cho đô thị.

**Điều 4. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị**

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý cây xanh đô thị thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

**Chương II**

**QUY HOẠCH, TRỒNG, CHĂM SÓC, BẢO VỆ, QUẢN LÝ, CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH**

**Điều 5. Quy hoạch cây xanh đô thị**

1. Quy hoạch cây xanh trong quy hoạch đô thị

a) Trong quy hoạch chung đô thị: Xác định chỉ tiêu đất cây xanh, tổng diện tích đất cây xanh cho toàn đô thị phù hợp với từng cấp đô thị theo các quy định hiện hành; xác định cụ thể phạm vi sử dụng đất cây xanh cho từng khu vực đô thị.

b) Trong quy hoạch phân khu đô thị: Xác định chỉ tiêu đất cây xanh đô thị, vị trí, diện tích của từng khu cây xanh tập trung (vườn hoa, công viên) trong đô thị.

c) Trong quy hoạch chi tiết đô thị: Xác định cụ thể phương án bố trí cây xanh trong các khuôn viên cây xanh, vị trí trồng cây trên vỉa hè, dải phân cách, đảo giao thông, chủng loại cây trồng.

d) Trên cơ sở quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khuyến khích các đô thị từ loại IV trở lên lập quy hoạch chi tiết cây xanh đô thị để làm cơ sở quản lý và lập dự án đầu tư.

2. Quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên - vườn hoa đô thị: Quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên - vườn hoa đô thị được lập làm cơ sở để lập dự án đầu tư phát triển hệ thống cây xanh trong đô thị. Trình tự, nội dung và thành phần hồ sơ quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên, vườn hoa đô thị thực hiện theo Khoản 2, 3, 4 Điều 10 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

**Điều 6. Kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh đô thị**

1. UBND cấp huyện thực hiện lập Đề án hoặc kế hoạch phát triển, thay thế cây xanh đô thị 05 năm và hàng năm trên địa bàn đô thị theo phân cấp quản lý, gửi về Sở Xây dựng thẩm định, báo cáo UBND tỉnh chấp thuận chủ trương trước khi phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quyết định phê duyệt.

2. Đề án, kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nội dung Đề án, Kế hoạch phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm bao gồm: Rà soát quỹ đất phục vụ trồng cây xanh; trồng mới, cải tạo, thay thế cây xanh; chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị; xây dựng, cải tạo, các công trình xây dựng thuộc khu vực cây xanh sử dụng công cộng đô thị; dự kiến chi phí và nguồn vốn thực hiện, phương án kêu gọi xã hội hóa phát triển cây xanh đô thị (nếu có).

4. Đối với các khu vực, tuyến phố đã có cây xanh mà chưa có trong Đề án, Kế hoạch phát triển: Nếu thấy cần thiết phải cải tạo, thay thế, UBND cấp huyện tổ chức lập phương án cải tạo, thay thế. Trong đó phải xác định cụ thể vị trí, số lượng, loại cây cây cần thay thế; vị trí, quy cách cây trồng mới; thời điểm chặt hạ, trồng thay thế.

Không chặt hạ, di chuyển đồng loạt cây xanh đã trưởng thành để trồng mới. Thực hiện chặt hạ, di chuyển và trồng thay thế xen kẽ dần hàng năm, khi cây trồng thay thế đợt trước có tán đảm bảo bóng mát mới chặt hạ, di chuyển để trồng thay thế đợt tiếp (không chặt, thay thế nhiều hơn 3 cây liên tiếp). Khi số lượng cây cần thay thế lớn hơn 30% số lượng cây trên một tuyến phố, UBND cấp huyện phải xin ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng trước khi tổ chức thực hiện.

**Điều 7. Quy định trồng cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị**

1. Việc trồng cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch cây xanh, quy hoạch xây dựng đô thị và thiết kế cây xanh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Yêu cầu đối với cây trồng

a) Cây xanh trồng trên đường phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn: Cây phải có thân thẳng tự nhiên, gỗ tốt, không già, không sâu bệnh, không dễ gãy bất thường gây tai nạn; có tán, cành lá cân đối gọn gàng; bộ rễ cọc ăn sâu trong đất, vững chắc và không nổi trên mặt đất gây hư hại vỉa hè và công trình liền kề; cây không thuộc danh mục cây cấm trồng theo quy định này.

b) Cây mới trồng phải được chống giữ chắc chắn, ngay thẳng đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

3. Quy cách trồng cây được tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế hạng mục cây xanh được duyệt trong dự án đảm bảo phù hợp với Quy chuẩn, Tiêu chuẩn trồng cây xanh sử dụng công cộng, tránh ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, nổi trên vỉa hè đường phố.

**Điều 8. Quy định về trồng cây xanh trong các dự án phát triển đô thị**

1. Cây xanh trong các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở thuộc phạm vi đô thị phải tuân thủ quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện trồng cây đúng theo nội dung chủ trương đầu tư, thiết kế được duyệt, phù hợp với tiến độ xây dựng công trình và tuân thủ theo Quy định này.

2. Chủ đầu tư các dự án phải đảm bảo thực hiện trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phát triển cây xanh đáp ứng cải thiện môi trường, mỹ quan đô thị khi dự án đi vào hoạt động.

3. Cây trồng phải được nghiệm thu theo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo phát triển tốt trước khi bàn giao cho UBND cấp huyện quản lý cùng thời điểm bàn giao hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án.

**Điều 9. Cây xanh trong khuôn viên đất của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền lựa chọn loại cây trồng nhưng phải bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị; chịu trách nhiệm trong việc trồng, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên do mình quản lý.

2. Cây trồng trong khuôn viên của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Không thuộc danh mục cây cấm trồng được ban hành theo Phụ lục số III của Quy định này.

b) Khoảng cách ly an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo các quy định hiện hành, thân, rễ không gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường các hộ xung quanh và không làm hư hại các công trình lân cận thuộc cá nhân, tổ chức khác quản lý.

c) Cây trồng theo dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được quản lý theo các nội dung trong Quy định này.

**Điều 10. Xã hội hóa công tác phát triển cây xanh đô thị**

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia trồng hoặc tài trợ kinh phí trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị. Đối với những khu vực, tuyến đường đã có quy hoạch hoặc đề án, kế hoạch phát triển cây xanh xác định rõ chủng loại, quy mô cây xanh thì việc trồng, thay thế phải được thực hiện theo quy hoạch, đề án, kế hoạch được phê duyệt.

Khuyến khích trồng cây xanh trên hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông, các vùng cách lý khu xử lý rác, khu mai táng, nghĩa trang; sử dụng các bãi rác khi ngừng hoạt động chuyển thành vườn ươm cây xanh.

Khuyến khích trồng cây, phát triển mảng xanh trong khuôn viên; trồng và chăm sóc cây trước mặt nhà, trên các tuyến phố theo quy hoạch và các quy định về chủng loại cây được duyệt.

2. Cây xanh do tổ chức, cá nhân trồng trên vỉa hè (trước cửa nhà dân), vườn hoa, công viên, khu vực công cộng trong đô thị là cây xanh công cộng sử dụng chung, được lập hồ sơ quản lý cây xanh (thống kê, lập danh sách, đánh số cây), được chăm sóc, bảo vệ theo các quy định của Quy định này.

3. Tùy theo hình thức, quy mô của công trình xã hội hóa phát triển cây xanh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét có cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định pháp luật hiện hành:

a) Đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực công viên, cây xanh;

b) Cho phép kết hợp quảng cáo trong công viên, mảng xanh công cộng (vị trí, kích thước, nội dung và hình thức quảng cáo do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt);

c) Hỗ trợ một phần giống cây trồng cho các trường học, cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội khi tổ chức các phong trào trồng cây, phát triển mảng xanh;

d) Hướng dẫn miễn phí về chủng loại, quy cách, kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây xanh;

đ) Có các hình thức tôn vinh, khen thưởng phù hợp;

e) Các hình thức khuyến khích khác phù hợp với quy định pháp luật.

**Điều 11. Lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị**

1. Đối với các khu vực, tuyến phố đã có cây xanh đô thị

UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp cùng đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị tổ chức thống kê về số lượng, kiểm tra đánh giá chất lượng, tình trạng phát triển, lập danh sách, đánh số, treo biển, phân loại cây kèm theo bản vẽ vị trí cây cho từng tuyến phố, khu vực đô thị; xác định cây nguy hiểm, cây cấm trồng, hạn chế trồng để có kế hoạch di chuyển, chặt hạ và trồng thay thế kịp thời;

Đối với cây cần bảo tồn, cây cổ thụ ngoài việc thống kê, phân loại, đánh số, UBND cấp huyện có trách nhiệm lập hồ sơ theo dõi đồng thời có chế độ chăm sóc đặc biệt và cho từng cây để phục vụ công tác bảo tồn.

2. Đối với các tuyến phố, khu đô thị mới trồng cây xanh đô thị

Ngay sau khi nhận bàn giao cây xanh đô thị mới trồng, UBND cấp huyện giao cho tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp chăm sóc bảo vệ. Tổ chức, cá nhân được giao có trách nhiệm quản lý lưu 01 bộ hồ sơ thiết kế, nghiệm thu cây xanh đô thị và thực hiện lập hồ sơ quản lý cây xanh như quy định Khoản 1 Điều này để theo dõi quản lý.

3. Hồ sơ quản lý cây xanh đô thị do UBND cấp huyện lập, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

**Điều 12. Bảo vệ cây xanh đô thị**

1. Mọi tổ chức cá nhân có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đô thị, kịp thời phát hiện tình trạng nguy hiểm của cây; ngăn chặn các hành vi phá hoại, dịch chuyển cây xanh trái pháp luật đồng thời báo cho chính quyền địa phương, thanh tra xây dựng biết để kịp thời ngăn chặn, xử lý.

2. Các cơ quan quản lý theo phân cấp có trách nhiệm bảo vệ, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về cây xanh theo thẩm quyền.

3. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đô thị trên địa bàn theo hợp đồng ký với UBND cấp huyện.

4. Việc xử lý vi phạm về cây xanh đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 13. Quy định về chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị**

1. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

2. UBND cấp huyện thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thuộc địa bàn hành chính quản lý.

3. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải đảm bảo đúng kỹ thuật an toàn đối với người, tài sản của tổ chức, cá nhân.

4. Trước khi thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây, đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh phải có phương án trồng thay thế phù hợp với chủng loại cây trồng, tiêu chuẩn kỹ thuật, hiện trạng hạ tầng và cảnh quan kiến trúc tại khu vực đó.

**Điều 14. Nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị**

1. Các nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị thuộc sở hữu nhà nước, phải nộp vào ngân sách theo quy định.

2. Trường hợp cây xanh thuộc sở hữu nhà nước nhưng nằm trong khuôn viên của cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện,... do cơ quan đơn vị đó quản lý thì các cơ quan, đơn vị này được hưởng các nguồn lợi (hoa, quả) từ việc chăm sóc bảo vệ, cây xanh theo quy định. Trường hợp chặt hạ, gỗ cây được đơn vị quản lý cây xanh thu và nộp vào ngân sách theo quy định.

3. Cây xanh trong khuôn viên đất cá nhân thì cá nhân được hưởng nguồn lợi từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ngành**

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước đối với hệ thống cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Thẩm định các đề án, kế hoạch phát triển hệ thống công viên, cây xanh đô thị hàng năm và 5 năm, báo cáo UBND tỉnh trước khi UBND cấp huyện phê duyệt.

c) Tham gia ý kiến đối với đồ án quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên, vườn hoa đô thị và các dự án xây dựng mới, trồng, cải tạo, thay thế cây xanh đô thị.

d) Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các quy định về bảo vệ, phát triển cây xanh đô thị, xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

e) Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp cùng Sở Xây dựng và các Sở ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia công tác xã hội hóa phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư công 5 năm và hàng năm để đầu tư phát triển hệ thống cây xanh sử dụng công cộng đô thị theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh để phục vụ công tác phát triển cây xanh đô thị.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn thu từ việc thanh lý cây xanh đô thị bị chặt hạ theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xác định giống cây trồng phù hợp điều kiện tự nhiên trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ phát triển nguồn giống, chủng loại cây nhằm tạo sự đa dạng, phong phú trong hệ thống cây xanh đô thị.

b) Theo dõi, phát hiện, thông báo kịp thời các dịch sâu, bệnh hại cây xanh đô thị và hướng dẫn các biện pháp phòng tránh.

c) Khuyến cáo việc sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thân thiện môi trường.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tổng hợp quỹ đất dành cho phát triển cây xanh đô thị vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm và 05 năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và quản lý theo quy định hiện hành.

**Điều 16. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức thực hiện quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn được giao quản lý.

2. Thực hiện Đề án, Kế hoạch phát triển cây xanh đô thị hàng năm và 05 năm trên địa bàn đô thị theo phân cấp quản lý.

3. Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết đảm bảo các nội dung, yêu cầu về cây xanh đô thị theo thẩm quyền.

4. Thực hiện việc cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và kiểm tra việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

5. Tổ chức việc thống kê, lập cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị, tình hình quản lý và đầu tư phát triển hệ thống cây xanh trên địa bàn được giao quản lý và báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng theo dõi, tổng hợp.

6. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh trên địa bàn được giao quản lý theo quy định. Chủ trì, phối hợp cùng đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị tổ chức thống kê về số lượng, kiểm tra đánh giá chất lượng, tình trạng phát triển, đánh số cây, lập danh sách, phân loại cây kèm theo bản vẽ vị trí cây cho từng tuyến phố, khu vực đô thị; xác định cây nguy hiểm, cây cấm trồng, hạn chế trồng để có kế hoạch chăm sóc, di chuyển, chặt hạ và trồng thay thế kịp thời. Đối với cây cần bảo tồn, cây cổ thụ, cây nguy hiểm, ngoài việc thống kê, lập danh mục, phân loại, đánh số, phải treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác quản lý, chăm sóc cây.

7. Tham gia công tác nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận quản lý các hạng mục khuôn viên cây xanh và cây xanh trồng trên vỉa hè theo các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở không sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành chuyển giao cho nhà nước.

8. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, đồng thời áp dụng các biện pháp để khuyến khích, động viên và phát triển hệ thống cây xanh trên địa bàn.

9. Định kỳ gửi báo cáo tình hình quản lý, phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn về Sở Xây dựng hàng năm theo quy định.

**Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị**

1. Thực hiện trồng, chăm sóc, bảo dưỡng và quản lý hệ thống cây xanh đô thị theo hợp đồng đã ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thường xuyên kiểm tra, kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan về cây xanh đô thị.

3. Nghiên cứu đề xuất về chủng loại cây, hoa phù hợp quy hoạch xây dựng, với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung, tiếp thu lai tạo các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương khác để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

**Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý trực tiếp cây xanh đô thị**

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ cây xanh trước trụ sở cơ quan, trước nhà, ngăn chặn các hành vi gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây; phát hiện cây nguy hiểm và thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cây xanh để kiểm tra, xử lý.

2. Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:

a) Chăm sóc, bảo vệ cây xanh trồng trong khuôn viên đất được giao quản lý không thuộc danh mục cây cấm trồng;

b) Thực hiện đúng quy định của cơ quan thẩm quyền về phân cấp quản lý cây xanh đường phố; kịp thời phản ánh đến cơ quan thẩm quyền những vấn đề có liên quan về quản lý, chăm sóc và bảo vệ cây xanh;

c) Tham gia tuyên truyền vận động cộng đồng dân cư, người thân trong gia đình tự giác, chủ động trong quản lý, chăm sóc, bảo vệ và phát triển cây xanh;

d) Tích cực tham gia phong trào xã hội hóa phát triển cây xanh theo nội dung quy định tại Điều 10 Quy định này.

**Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện tổ chức hướng dẫn, thực hiện tốt Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng nghiên cứu, xem xét tổng hợp và đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung./.

**PHỤ LỤC I**

DANH MỤC CÂY KHUYẾN KHÍCH TRỒNG TRONG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loài cây** | **Họ thực vật** | **Chiều cao thân (m)** | **Đường kính tán (m)** | **Chu kỳ sinh trưởng** |
| **Tên Việt Nam** | **Tên khoa học** |  |  |  | **Kỳ rụng lá (tháng)** | **Kỳ nở hoa (tháng)** |
| 1 | Bàng Đài Loan (Bàng lá nhỏ) | *Terminalia mantaly* | *Combretaceae* | 10-20 | 10-15 | 10-12 | - |
| 2 | Bách tán | *Araucaria excelsa r.br* | *Araucariaceae* | 40 | 4-8 | - | 4-5 |
| 3 | Bằng lăng | *Lagerstroemia flosreginae retz* | *Lythraceae* | 15-20 | 8-10 | 2-3 | 5-7 |
| 4 | Chiêu liêu | *Terminalia tomentosa wight* | *Combretaceae* | 15-30 | 8-15 | 3-4 | 5-6 |
| 5 | Chò nâu | *Dipterocarpus tonkinensis chev* | *Dipterocarpaceae* | 30-40 | 6-10 | - | 8-9 |
| 6 | Chuông vàng | *Tabebuia aurea* | *Bignoniaceae* | 5-8 | 4-6 | - | 3-5 |
| 7 | Dầu nước (Dầu con rái) | *Dipterocarpus alatus* | *Dipterocarpaceae* | 20-30 | 8-10 | - | 5-6 |
| 8 | Keo tương tư (Đài loan tương tư) | *Acacia confusa merr* | *Fabaceae* | 8-10 | 5-6 | - | 6-10 |
| 9 | Giáng hương (Dáng hương) | *Pterocarpus pedatus pierre* | *Fabaceae* | 20-25 | 8-10 | - | 3-4 |
| 10 | Hoàng lan (Ngọc lan tây) | *Cananga odorata* | *Annonaceae* | 15-20 | 6-8 | - | 5-6 |
| 11 | Hoàng nam (huyền diệp/liễu Ấn Độ) | *Polyalthia longifolia* | *Annonaceae* | 5-10 | 1-2 | - | - |
| 12 | Kim giao | *Nageia fleuryi* | *Podocarpaceae* | 10-15 | 6-8 | - | 5-6 |
| 13 | Liễu | *Salyx babylonica linn* | *Salicaceae* | 7-10 | 4-6 | 1-3 | 4-5 |
| 14 | Lim xẹt (Lim vàng ) | *Peltophorum tonkinensis a.chev* | *Fabaceae* | 25 | 7-8 | 1-3 | 5-7 |
| 15 | Long não | *Cinnamomum camphora nees et ebern* | *Lauraceae* | 15-20 | 8-15 | - | 3-5 |
| 16 | Lộc vừng | *Barringtoria racemosa roxb* | *Lecythidaceae* | 10-12 | 8-10 | 2-3 | 4-10 |
| 17 | Mai anh đào (Hoa anh đào) | *Prunus serrulata* | *Rosaceae* | 5-7 | 4-6 | 10-12 | 1-3 |
| 18 | Móng bò tím | *Banhinia purpureaes l.* | *Leguminosae* | 8-10 | 4-5 | - | 8-10 |
| 19 | Mỡ | *Manglietia glauca bl.* | *Magnoliaceae* | 10-12 | 23 | - | 1-2 |
| 20 | Muồng đen | *Cassia siamea lamk* | *Fabaceae* | 15-20 | 10-12 | - | 6-7 |
| 21 | Muồng hoa đào | *Cassia nodosa linn* | *Fabaceae* | 10-15 | 10-15 | 4 | 5-8 |
| 22 | Muồng hoàng yến (bò cạp nước) | *Cassia fistula l.* | *Fabaceae* | 15 | 10 | - | 6-9 |
| 23 | Muồng ngủ | *Pithecoloblum saman benth* | *Fabaceae* | 15-20 | 30-40 | 1-3 | 6-7 |
| 24 | Ngọc lan | *Michelia alba de* | *Magnoliaceae* | 15-20 | 5-8 | - | 5-9 |
| 25 | Nhạc ngựa (Dái ngựa lá to) | *Swietenia mahogani jacq* | *Meliaceae* | 15-20 | 6-10 | 1-2 | 4-5 |
| 26 | Nhội | *Bischofia trifolia hook f.* | *Phyllanthaceae* | 10-15 | 6-10 | - | 2-3 |
| 27 | Sao đen | *Hopea odorata roxb* | *Dipterocarpaceae* | 20-25 | 8-10 | 2-3 | 4 |
| 28 | Sau sau | *Liquidambar formosana hance* | *Altingiaceae* | 20-30 | 8-15 | - | 3-4 |
| 29 | Sếu (cơm nguội) | *Celtis sinenscs person* | *Cannabaceae* | 15-20 | 6-8 | 12-3 | 2-3 |
| 30 | Tếch (Giá tỵ) | *Tectona graudis linn* | *Lamiaceae s.l (hay Verbenaceae s.l* | 20-25 | 6-8 | 1-3 | 6-10 |
| 31 | Thông nhựa hai lá | *Pinus merkusili* | *Pinaceae* | 30 | 8-10 | - | 5-6 |
| 32 | Trầm hương (Dó bầu) | *Aquilaria crassna* | *Thymelaeaceae* | 10-20 | 6-10 | - | - |
| 33 | Vàng anh | *Saraca dives pierre* | *Fabaceae* | 7-12 | 8-10 | - | 1-3 |

**PHỤ LỤC II**

DANH MỤC CÂY HẠN CHẾ TRỒNG TRONG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

Cây hạn chế trồng là cây ăn quả, cây tạo ra mùi khó chịu hoặc cây có rễ ăn nổi, rễ phụ phát triển mạnh làm hư hại, mất mỹ quan công trình... Tuy nhiên, những cây này phù hợp trồng tại một số khu vực, công trình có đặc thù nhất định: Khu dân cư, công viên, chùa...

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loài cây** | **Họ thực vật** | **Lý do hạn chế trồng** | **Biện pháp hạn chế** |
| **Tên Việt Nam** | **Tên khoa học** |
| 1 | Bàng ta | *Terminalia catappa* | *Combretaceae* | Dễ bị sâu (gây ngứa khi đụng phải) | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 2 | Bạch đàn (các loại) | *Eucalyptus spp.* | *Myrtaceae* | Cây cao, tán thưa ít phát huy tác dụng bóng mát | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 3 | Các loài cây ăn quả |   |   | Cây có quả khuyến khích trẻ em leo trèo; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố | Khi trồng với mục đích sử dụng công cộng phải có biện pháp bảo vệ phù hợp |
| 4 | Cau vua (Cau bụng) | *Roystonea regia* (O.F. Cook) | *Arecaceae* | Rễ, lá, to cứng gây nguy hiểm cho người đi đường, công trình và phương tiện | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 5 | Dừa | *Cocos nucifera* L. | *Arecaceae* | Cây có quả lớn, có nguy cơ rơi gây mất an toàn, chỉ nên trồng dọc các bờ kênh, tuyến rạch, sông chưa được bê tông hóa | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 6 | Đa, Da, Đề, Sanh, Sung, Si, Gừa | *Ficus* | *Moraceae* | Có rễ phụ làm hư hại công trình; dạng quả sung ảnh hưởng vệ sinh đường phố | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 7 | Đủng đỉnh | Caryota mitis | *Arecaceae* | Quả có chất gây ngứa | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 8 | Điệp phèo heo | *Enterolobium cyclocarpum* | *Fabaceae* | Rễ mọc ngang, lồi trên mặt đất gây hư hại vỉa hè và các công trình hạ tầng kỹ thuật; cành nhánh giòn dễ gãy | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 9 | Gáo | *Sarcocephalus cordatus miq* | *Rubiaceae* | Cành nhánh giòn, dễ gãy; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 10 | Huỳnh liên (Sò đo bông vàng) | *Tecoma stans* | *Bignoniaceae* | Cành nhánh mềm, dễ gãy đổ khi mưa bão | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 11 | Keo (các loại) | *Acacia* | *Mimosoideae* | Cành nhánh giòn, dễ gãy | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 12 | Lọ nồi (Đại phong tử) | *Hydnocarpus anthelmintica* | *Flacourtiaceae* | Quả to, rụng gây nguy hiểm | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 13 | Mù u | *Calophylluminophyll um* | *Calophyllaceae* | Thân cây thường có dáng nghiêng; quả rụng nhiều ảnh hưởng vệ sinh đường phố | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 14 | Sa kê (cây bánh mì) | *Artocarpus altilis* Fosb | *Moraceae* | Không phù hợp cảnh quan đường phố, trồng trong khuôn viên vườn hoa, khu dân cư | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 15 | Sưa (Trắc thối, Huê mộc vàng) | *Dalbergia tonkinensis prain* | *Fabaceae* | Cây quý hiếm có nguy cơ bị mất cắp, độ che bóng ít | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 16 | Sữa (Mò cua) | *Alstonia scholaris* | *Apocynaceae* | Hoa có mùi gây khó chịu; cành nhánh giòn, dễ gãy | Hạn chế trồng tập trung quá 02 cây trong phạm vi bán kính 50m |
| 17 | Thông (các loại) | *Pinus* | *Pinaceae* | Cây có sâu bướm gây dị ứng mạnh khi tiếp xúc | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 28 | Tre | *Bambuseae* | *Poaceae* | Cây có nhiều nhánh nhỏ thấp, phát triển bụi rậm | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 19 | Trôm | *Sterculia foetida 1* | *Sterculiaceae* | Quả to, hoa có mùi | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị; trồng tập trung quá 02 cây trong phạm vi bán kính 50m |
| 20 | Trứng cá | *Muntingia calabura* | *Muntingiaceae* | Quả khuyến khích trẻ em leo trèo; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh môi trường | Hạn chế trồng trên vỉa hè đường phố trong đô thị; khi trồng với mục đích sử dụng công cộng khác phải có biện pháp bảo vệ phù hợp |
| 21 | Xà cừ (Sọ khỉ) | *Khaya senegalensis a.Juss* | *Meliaceae* | Rễ mọc ngang, lồi trên mặt đất gây hư hại vỉa hè và các công trình hạ tầng kỹ thuật | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 22 | Viết | *Mimusops elengi* Linn | *Sapotaceae* | Cây bị sâu đục thân gây chết khô | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |
| 23 | Sấu | *Dracontomelon duperreanum* | *Anacardiaceae* | Cây có quả rụng nhiều ảnh hưởng vệ sinh đường phố | Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị |

**PHỤ LỤC III**

DANH MỤC CÂY CẤM TRỒNG TRONG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

Cây cấm trồng trong đô thị là những cây có độc tố, chất gây nghiện hoặc có đặc điểm gây nguy hiểm cho con người (có gai sắc nhọn, hoa quả, hạt có lông phát tán làm ảnh hưởng đến sự an toàn và sức khỏe con người). Vị trí cây cấm trồng trong các đô thị theo danh mục này bao gồm: Đường phố, khu vực sinh hoạt công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa, trường học, trụ sở cơ quan) và các khu vực thuộc sở hữu công cộng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loài cây** | **Họ thực vật** | **Lý do cấm trồng** |
| **Tên Việt Nam** | **Tên khoa học** |  |  |
| 1 | Bã đậu (Vông đồng) | *Hura crepitas 1* | *Euphorbiaceae* | Cây có nhựa và hạt chứa độc tố |
| 2 | Bồ hòn | *Sapindus mukorossi* | *Sapindaceae* | Quả có chứa chất độc |
| 3 | Bồ kết | *Gleditsia triacanthos* | *Fabaceae* | Thân có nhiều gai rất to |
| 4 | Cao su | *Hevea brasiliensis* | *Euphorbiaceae* | Cành nhánh giòn, dễ gãy |
| 5 | Cô ca cảnh | *Erythroxylum novogranatense* | *Erythroxylaceae* | Lá có chất cocaine gây nghiện |
| 6 | Gòn (Bông gạo) | *Ceiba pentandra gaertn* | *Malvaceae* | Cành nhánh giòn, dễ gãy; quả chín phát tán ảnh hưởng vệ sinh đường phố |
| 7 | Lòng mức (các loại) | *Wrightia* | *Apocynaceae* | Quả chín phát tán, hạt có lông ảnh hưởng môi trường |
| 8 | Mã tiền | *Strychnos nux-vomica* | *Loganiaceae* | Hạt có chứa chất độc |
| 9 | Me keo | *Pithecellobium dulce* | *Fabaceae* | Thân và cành nhánh có nhiều gai |
| 10 | Ô đầu (củ gấu tàu) | *Aconitum carmichaeli*Debeaux | *Ranunculaceae* | Cây có độc tố |
| 11 | Sala (Tha la, vô ưu, đầu lân, hàm rồng) | *Couroupita guianensis* | *Lecythidaceae* | Quả chín có mùi hôi |
| 12 | Xiro | *Carissa carandas* | *Apocynaceae* | Thân và cành nhánh có nhiều gai |
| 13 | Sưng Nam bộ, Sơn lu | *Semecarpus cochinchinensis* | *Anacardiaceae* | Nhựa cây có chất làm ngứa, lở loét da |
| 14 | Tỏi độc | *Colehicum autumnale*L. | *Colchicaceae* | Toàn bộ thân cây tỏi có độc tố gây tử vong cho người và gia súc nếu ăn phải |
| 15 | Thông thiên | *Thevetia peruviana* | *Apocynaceae* | Hạt, lá, hoa, vỏ cây đều có chứa chất độc |
| 16 | Trúc đào | *Nerium oleander* | *Apocynaceae* | Thân và lá có chất độc  |

**PHỤ LỤC IV**

CÂY CẦN ĐƯỢC BẢO TỒN TRONG ĐÔ THỊ

Cây được bảo tồn gồm:

1. Các loại cây cổ thụ.

2. Cây thuộc danh mục loài cây quý hiếm, cây được liệt kê trong sách đỏ Việt Nam, cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hóa.